

ĐƯỢC LỢC
MÔ TẢ
BỘ CỤC CỦA BAN GIÁM ĐỐC
BỘ CỤC CỦA BAN KIỂM TOÁN
BẢNG CÂN SỐ KẾ TOÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ SƠN TÂY**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY
Địa chỉ: Số 2 phố Phùng Hưng, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 26

Trên đây là Báo cáo của Ban Giám đốc

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây được lập theo đúng quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan khác về kế toán và thuế áp dụng cho công ty. Trong báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất.

- 1. Lưu ý đến các thành viên cổ đông và các bên liên quan khác của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây:
- 2. Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây không có chi nhánh, văn phòng đại diện hay văn phòng đại diện khác ở nước ngoài.
- 3. Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây không có chi nhánh, văn phòng đại diện hay văn phòng đại diện khác ở nước ngoài.
- 4. Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây không có chi nhánh, văn phòng đại diện hay văn phòng đại diện khác ở nước ngoài.
- 5. Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây không có chi nhánh, văn phòng đại diện hay văn phòng đại diện khác ở nước ngoài.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây chịu trách nhiệm cao nhất về tính chính xác và đầy đủ của báo cáo tài chính này. Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị	Chức vụ
Ông Nguyễn Hải Vân	Chủ tịch
Ông Lê Văn Thục	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Thành viên
Ông Đoàn Hồng Quang	Thành viên
Ban Giám đốc	Chức vụ
Ông Lê Văn Thục	Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Vũ	Phó Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Nghĩa	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính này hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY



Lê Văn Thục
Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: 186 -17/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1
Thay mặt và đại diện cho

Đặng Thị Thu Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2013-034-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.218.486.744	73.714.517.297
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	28.093.580.357	19.314.054.448
1 Tiền	111		3.721.474.250	3.175.808.254
2 Các khoản tương đương tiền	112		24.372.106.107	16.138.246.194
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	16.000.000.000
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	16.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.510.792.662	36.560.752.642
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	51.685.405.700	32.304.373.916
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.045.000.000	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	1.879.905.000	3.000.000.000
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	1.919.285.956	1.275.182.720
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.03	(18.803.994)	(18.803.994)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	1.008.036.626	1.740.406.366
1 Hàng tồn kho	141		1.008.036.626	1.740.406.366
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		606.077.099	99.303.841
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	594.551.899	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.13	11.525.200	99.303.841
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.642.014.845	9.998.385.676
II. Tài sản cố định	220		6.095.191.000	7.842.385.506
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	6.095.191.000	7.842.385.506
- Nguyên giá	222		47.005.384.691	47.007.806.372
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.910.193.691)	(39.165.420.866)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	365.321.000	365.321.000
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		365.321.000	365.321.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.181.502.845	1.790.679.170
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.181.502.845	1.790.679.170
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		95.860.501.589	83.712.902.973

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		33.669.211.821	18.970.614.171
I. Nợ ngắn hạn	310		33.669.211.821	18.970.614.171
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	14.408.073.501	6.092.407.205
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.343.381.758	2.811.936.276
4 Phải trả người lao động	314		12.927.221.000	6.468.037.500
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	3.465.968.976	2.265.792.604
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		524.566.586	1.332.440.586
II. Nợ dài hạn	330		-	-
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.191.289.768	64.742.288.802
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	62.217.726.268	64.502.844.100
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.760.000.000	18.760.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.760.000.000	18.760.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		9.965.000	9.965.000
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		34.056.269.977	31.413.269.977
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.391.491.291	14.319.609.123
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.489.639.263	5.509.776.960
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.901.852.028	8.809.832.163
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(26.436.500)	239.444.702
1 Nguồn kinh phí	432		(26.436.500)	(26.436.500)
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	265.881.202
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		95.860.501.589	83.712.902.973

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Thị Thu Hoài

Vũ Kim Hoa

Lê Văn Thục

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	111.675.223.103	104.850.797.444
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	8.672.727
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		111.675.223.103	104.842.124.717
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	89.936.174.900	86.444.337.383
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		21.739.048.203	18.397.787.334
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.279.468.115	1.239.961.852
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	-	1.333.333
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	1.333.333
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	14.395.387.152	8.608.768.326
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		8.623.129.166	11.027.647.527
11 Thu nhập khác	31	VI.6	557.828.637	267.009.091
12 Chi phí khác	32	VI.7	148.337.770	-
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		409.490.867	267.009.091
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		9.032.620.033	11.294.656.618
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.134.326.517	2.484.824.455
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6.898.293.516	8.809.832.163
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.677	4.696

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Thị Thu Hoài

Vũ Kim Hoa

Lê Văn Thục

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<Theo phương pháp trực tiếp>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I	Lưu chuyển tiền từ kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		101.139.928.552	109.523.686.797
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(41.207.492.131)	(43.823.622.275)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(36.268.076.800)	(48.110.877.099)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		-	(1.333.333)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.397.640.629)	(3.347.951.247)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.328.858.916	1.071.568.872
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(35.822.702.333)	(9.504.171.262)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.227.124.425)	5.807.300.453
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.505.000.000)	(3.463.818.181)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		184.946.500	146.898.182
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	(33.200.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.120.095.000	17.200.000.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.236.172.934	1.239.961.852
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		17.036.214.434	(18.076.958.147)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			1.000.000.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(1.000.000.000)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.029.564.100)	(3.564.400.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.029.564.100)	(3.564.400.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		8.779.525.909	(15.834.057.694)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.314.054.448	35.148.112.142
	Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	28.093.580.357	19.314.054.448

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Thị Thu Hoài

Vũ Kim Hoa

Lê Văn Thục

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 10 tháng 07 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây thành Công ty Cổ phần. Ngày 25 tháng 09 năm 2008 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103026959. Công ty có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 03 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03/10/2014 thì vốn điều lệ của Công ty là: 18.760.000.000 đồng *(Mười tám tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng chẵn./.)*

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn Upcom với mã chứng khoán là STU.

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ góp vốn
1	Cổ đông nhà nước	485.893	4.858.930.000	25,9%
2	Cổ đông khác	1.390.107	13.901.070.000	74,1%
	Tổng	1.876.000	18.760.000.000	100%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường./.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường;
- Quản lý vận hành hệ thống thoát nước đô thị;
- Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông công cộng;
- Quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ đường phố, đảo giao thông;
- Quản lý nghĩa trang nhân dân làm dịch vụ tang lễ;
- Xây dựng, sửa chữa vừa và nhỏ các công trình hạ tầng đô thị như: vỉa hè, thoát nước, đường nội thị, điện chiếu sáng, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ;
- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại;

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 2 phố Phùng Hưng, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư Xây dựng công trình Trụ sở tòa nhà đa chức năng đồng điều hưu và Nâng cấp trụ sở Công ty, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của đơn vị bao gồm các khoản chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa và chi phí phân mềm chờ phân bổ. Thời gian phân bổ của các chi phí này được áp dụng không quá 3 năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán mộ, cung cấp dịch vụ xử lý rác thải, chiếu sáng công cộng, vệ sinh môi trường.... và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hoạt động bán hàng, dịch vụ vệ sinh môi trường, xử lý nước thải... và không thuộc diện chịu thuế đối với các hoạt động như: dịch vụ tang lễ, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền	3.721.474.250	3.175.808.254
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	<i>193.165.059</i>	<i>332.099.561</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>3.528.309.191</i>	<i>2.843.708.693</i>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sơn Tây	3.413.375.681	2.666.006.939
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sơn Tây	63.752.021	125.659.688
Ngân hàng TMCP Quân đội	5.156.929	5.361.004
Công ty Chứng khoán IRS	826.025	1.574.330
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	45.198.535	45.106.732
Các khoản tương đương tiền	24.372.106.107	16.138.246.194
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sơn Tây	13.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sơn Tây	6.000.000.000	6.020.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Sơn Tây	5.372.106.107	5.118.246.194
Cộng	28.093.580.357	19.314.054.448

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn	-	-	16.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN - CN Sơn Tây	-	-	16.000.000.000	-
Cộng	-	-	16.000.000.000	-

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Ban Duy tu Sứ Xây dựng	-	-	10.214.525.280	-
Ban Đầu tư Xây dựng thị xã Sơn Tây	24.159.738.657	-	14.816.465.326	-
Ban Quản lý các dự án Đầu	19.727.437.324	-	593.443.000	-
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phúc Thọ	1.031.091.000	-	4.019.676.000	-
Các đối tượng khác	6.767.138.719	18.803.994	2.660.264.310	18.803.994
Cộng	51.685.405.700	18.803.994	32.304.373.916	18.803.994

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hoà	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	45.000.000	-
Cộng	3.045.000.000	-

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và Thương mại Quang Minh	1.879.905.000	-	3.000.000.000	-
Cộng	1.879.905.000	-	3.000.000.000	-

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu khác	958.461.676	-	974.295.720	-
Ban Duy tu Sở Xây dựng	-	-	974.295.720	-
Ban Quản lý các dự án Đầu tư Xây dựng tài nguyên và Môi trường Hà Nội	958.461.676	-	-	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	954.623.905	-	273.076.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	425.966.905	-	120.000.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển HTV Quốc tế	500.000.000	-	-	-
Ban đầu tư xây dựng thị xã Sơn Tây	28.657.000	-	153.076.000	-
Dư nợ TK 334	5.006.000	-	548.000	-
Dư nợ TK 3383	955.500	-	-	-
Dư nợ TK 3384	165.375	-	-	-
Dư nợ TK 3386	73.500	-	-	-
Dư nợ TK 3388	-	-	27.263.000	-
Cộng	1.919.285.956	-	1.275.182.720	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Nợ xấu

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán chưa trích lập dự phòng				
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Cao Minh	21.516.000	-	21.516.000	-
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng				
Hợp tác xã Thành Công	18.803.994	-	18.803.994	-
Cộng	21.516.000	-	21.516.000	-

8. Hàng tồn kho

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu vật liệu	465.243.214	-	524.419.474	-
Công cụ dụng cụ	5.250.000	-	5.250.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	140.328.000	-	1.098.214.300	-
Thành phẩm	397.215.412	-	112.522.592	-
Cộng	1.008.036.626	-	1.740.406.366	-

9. Tài sản dở dang

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Đầu tư xây dựng trụ sở tòa nhà đa chức năng đồng đồi hươu	212.385.000	212.385.000
Khoản khảo sát nâng cấp trụ sở công ty	152.936.000	152.936.000
Cộng	365.321.000	365.321.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY
 Địa chỉ: Số 2 phố Phùng Hưng, phường Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tài sản công cộng được giao quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2016	4.020.237.000	28.925.642.858	112.000.000	445.603.500	13.504.323.014	47.007.806.372	47.007.806.372
Mua trong năm	-	1.368.181.819	-	-	-	1.368.181.819	1.368.181.819
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.025.000.000)	-	(345.603.500)	-	(1.370.603.500)	(1.370.603.500)
Số dư ngày 31/12/2016	4.020.237.000	29.268.824.677	112.000.000	100.000.000	13.504.323.014	47.005.384.691	47.005.384.691
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2016	2.470.081.250	23.053.939.710	33.384.129	369.573.965	13.238.441.812	39.165.420.866	39.165.420.866
Khấu hao trong năm	406.882.896	2.392.272.247	11.714.292	38.625.688	265.881.202	3.115.376.325	3.115.376.325
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.025.000.000)	-	(345.603.500)	-	(1.370.603.500)	(1.370.603.500)
Số dư ngày 31/12/2016	2.876.964.146	24.421.211.957	45.098.421	62.596.153	13.504.323.014	40.910.193.691	40.910.193.691
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2016	1.550.155.750	5.871.703.148	78.615.871	76.029.535	265.881.202	7.842.385.506	7.842.385.506
Tại ngày 31/12/2016	1.143.272.854	4.847.612.720	66.901.579	37.403.847	-	6.095.191.000	6.095.191.000

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.490.707.928 VND.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	594.551.899	-
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	263.014.239	-
Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà xưởng máy móc thiết bị công ty	331.537.660	-
b) Dài hạn	1.181.502.845	1.790.679.170
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	720.370.533	1.790.679.170
Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	351.293.143	-
Chi phí phần mềm GPRS	109.839.168	-
Cộng	1.776.054.744	1.790.679.170

12. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và Thương mại Quang Minh	10.629.406.557	10.629.406.557	4.844.472.000	4.844.472.000
Nguyễn Hồng Thuý	673.039.900	673.039.900	69.519.000	69.519.000
Công ty TNHH Công nghệ và Xúc tiến thương mại HALEDCO	514.969.900	514.969.900	-	-
Công ty CP công nghiệp môi trường 9 - URENCO9	281.132.820	281.132.820	-	-
Công ty TNHH thương mại Nhật Linh 379	276.753.950	276.753.950	-	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Việt Nam Thịnh Vượng	183.806.480	183.806.480	-	-
Lê Minh Đức	149.300.000	149.300.000	-	-
Chu Thị Kim Liên	143.000.000	143.000.000	-	-
Các đối tượng khác	1.556.663.894	1.556.663.894	1.178.416.205	1.178.416.205
Cộng	14.408.073.501	14.408.073.501	6.092.407.205	6.092.407.205

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	2.076.291.848	6.074.248.717	6.280.492.806	1.870.047.759
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	735.644.428	2.135.330.200	2.397.640.629	473.333.999
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	111.179.960	111.179.960	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	947.779	947.779	-
Cộng	2.811.936.276	8.323.758.877	8.792.313.395	2.343.381.758
b) Phải thu				
Thuế GTGT	1.909.091	-	1.909.091	-
Thuế thu nhập cá nhân	97.394.750	350.841.795	264.972.245	11.525.200
Cộng	99.303.841	350.841.795	266.881.336	11.525.200

14. Phải trả khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Phải trả, phải nộp khác (*)	3.372.649.425	2.065.423.300
Đội công viên	166.398.000	112.891.200
Đội điện chiếu sáng công cộng	939.627.000	849.170.320
Đội Môi trường số 1	107.878.000	39.106.000
Đội Môi trường số 2	120.216.000	53.853.000
Đội Môi trường số 3	139.882.000	42.771.300
Đội Môi trường số 4	158.118.000	131.888.150
Đội Môi trường số 5	351.579.000	67.297.000
Đội Môi trường số 6	24.168.000	22.691.000
Đội quản lý vận hành khu XLR Xuân Sơn	419.615.000	290.674.000
Đội xe	19.779.000	275.742.000
Các đối tượng khác	925.389.425	179.339.330
Dư có TK 138	93.319.551	200.369.304
Cộng	3.465.968.976	2.265.792.604

(*) Phải trả, phải nộp khác là tiền chi phí khoán phải trả cho các đội như tiền công cụ dụng cụ, chi phí quản lý...

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐỒ THỊ SƠN TÂY
Địa chỉ: Số 2 phố Phùng Hưng, phường Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Vốn chủ sở hữu

15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2015	18.760.000.000	9.965.000	16.871.962.973	35.641.927.973
Lãi trong năm trước	-	-	8.809.832.163	8.809.832.163
Trích lập các quỹ	-	-	(7.755.000.000)	(7.755.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(3.564.400.000)	(3.564.400.000)
Giảm khác	-	-	(42.786.013)	(42.786.013)
Số dư ngày 31/12/2015	18.760.000.000	9.965.000	14.319.609.123	33.089.574.123
Lãi trong năm nay	-	-	6.898.293.516	6.898.293.516
Tăng khác (*)	-	-	3.558.512	3.558.512
Trích lập các quỹ	-	-	(4.845.000.000)	(4.845.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(6.941.200.000)	(6.941.200.000)
Giảm khác (**)	-	-	(43.769.860)	(43.769.860)
Số dư ngày 31/12/2016	18.760.000.000	9.965.000	9.391.491.291	28.161.456.291

(*) Tăng khác giảm khác là điều chỉnh theo QĐ phê duyệt quyết toán dịch vụ công ích của UBND thị xã Sơn Tây năm 2014

(**) Giảm khác giảm khác là điều chỉnh theo quyết định 2917/QĐ-CCT về xử phạt hành chính qua việc kiểm tra chấp hành thuế của chi cục thuế Sơn Tây và điều chỉnh giảm lợi nhuận để lại của năm trước do hoàn trả kinh phí theo TB52/TB-TNMT ngày 27/12/2016.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội	4.858.930.000	4.858.930.000
Công ty CP Môi trường Tân Hội	98.000.000	98.000.000
Các đối tượng khác	13.803.070.000	13.803.070.000
Cộng	18.760.000.000	18.760.000.000

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	18.760.000.000	18.760.000.000
Vốn góp đầu năm	18.760.000.000	18.760.000.000
Vốn góp cuối năm	18.760.000.000	18.760.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.941.200.000	3.564.400.000

15.4 Cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	1.876.000	1.876.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.876.000	1.876.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.876.000	1.876.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.876.000	1.876.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.876.000	1.876.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

15.5 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: đã thông báo theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 25/06/2016

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

15.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	31.413.269.977	2.643.000.000	-	34.056.269.977
Cộng	31.413.269.977	2.643.000.000	-	34.056.269.977

(*) Mục đích trích lập quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập 30% từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.114.163.636	1.145.678.195
Doanh thu cung cấp dịch vụ	110.561.059.467	103.705.119.249
Cộng	111.675.223.103	104.850.797.444

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giảm giá hàng bán	-	8.672.727
Cộng	-	8.672.727

3. Giá vốn bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.047.145.498	1.099.081.669
Giá vốn cung cấp dịch vụ	88.889.029.402	85.345.255.714
Cộng	89.936.174.900	86.444.337.383

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.271.540.385	1.239.961.852
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.927.730	-
Cộng	1.279.468.115	1.239.961.852

5. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	-	1.333.333
Cộng	-	1.333.333

6. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	168.133.182	146.898.182
Thu nhập từ hợp đồng xử lý rác từ Công ty Quang Minh	368.786.364	-
Thu nhập sửa chữa rãnh thoát nước	20.909.091	-
Thu nhập khác	-	120.110.909
Cộng	557.828.637	267.009.091

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Chi phí khác	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Phạt vi phạm hành chính	48.187.800	-
Chi phí chậm nộp thuế	39.560.100	-
Tiền nộp truy thu thuế GTGT các năm trước	46.995.092	-
Chi phí khác	13.594.778	-
Cộng	148.337.770	-
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	10.325.079.425	4.639.785.519
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	106.419.488	209.114.382
Chi phí khấu hao TSCĐ	297.956.724	289.626.561
Thuế, phí, lệ phí	222.584.827	220.522.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.000.000	5.300.000
Chi phí bằng tiền khác	3.299.346.688	3.244.418.963
Cộng	14.395.387.152	8.608.768.326
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	9.135.815.459	7.464.928.223
Chi phí nhân công	51.498.554.759	42.300.502.956
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.115.376.325	3.251.727.755
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.784.242.846	16.545.118.616
Chi phí khác bằng tiền	37.587.542.147	26.049.670.741
Cộng	105.121.531.536	95.611.948.291
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	113.512.519.855	106.349.095.660
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>113.512.519.855</i>	<i>106.349.095.660</i>
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	104.479.899.822	95.054.439.042
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>104.043.486.295</i>	<i>95.054.439.042</i>
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>436.413.528</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	9.469.033.561	11.294.656.618
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.893.806.713	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	240.519.804	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.134.326.517	2.484.824.455

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.898.293.516	8.809.832.163
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.898.293.516	8.809.832.163
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.876.000	1.876.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.677	4.696

(*) Công ty chưa có kế hoạch phân phối quỹ Khen thưởng phúc lợi cho năm 2016.

VIII. Những thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập Ban Giám đốc

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập Ban Giám đốc	1.174.933.000	1.183.260.000
Cộng	1.174.933.000	1.183.260.000

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.093.580.357	19.314.054.448
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.585.887.662	33.560.752.642
Các khoản đầu tư tài chính	1.879.905.000	19.000.000.000
Cộng	83.559.373.019	71.874.807.090

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công nợ tài chính

Phải trả người bán và phải trả khác

17.874.042.477 8.358.199.809

Cộng

17.874.042.477 8.358.199.809

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2016 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	17.874.042.477	-	17.874.042.477

01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	8.358.199.809	-	8.358.199.809

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.093.580.357	-	28.093.580.357
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.585.887.662	-	53.585.887.662
Các khoản đầu tư tài chính	1.879.905.000	-	1.879.905.000

01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.314.054.448	-	19.314.054.448
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.560.752.642	-	33.560.752.642
Các khoản đầu tư tài chính	19.000.000.000	-	19.000.000.000

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Thị Thu Hoài

Vũ Kim Hoa

Lê Văn Thục